

Bản án số: 139/2023/DS-PT

Ngày: 21-6-2023

V/v: Tranh chấp chia thừa kế
Quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông **Trần Bá Kha**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Nhiên.**

Ông **Lê Quang Tấn.**

- Thư ký Phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Mai Thùy Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 3 năm 2023, về việc “*Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 79/2022/DS-ST ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 63/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1954

Địa chỉ: tổ 9, Ấp Vĩnh H, xã Vĩnh Hòa Ph, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh S là ông **Nguyễn Hồng Đ**, sinh năm 1976. (Theo văn bản ủy Quyền ngày 13-9-2022)

Địa chỉ: 207, tổ 14, Ấp Vĩnh Thành A, xã Vĩnh Hòa H, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

***Bị đơn:** Ông **Nguyễn Thanh Ph**, sinh năm 1963

Địa chỉ: 68, tổ 02, Ấp Vĩnh Q, xã Vĩnh Hòa Ph, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Nguyễn Thị Ng**, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số nhà D10 đường Ng, phường Vĩnh Q, thành phố Rạch Gi, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1965

3. Ông **Nguyễn Thanh L**, sinh năm 1967

4. Ông **Nguyễn Thanh U**, sinh năm 1971

5. Ông **Nguyễn Văn Gi**, sinh năm 1963

6. Anh **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1993

7. Chị **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: Ấp Vĩnh Thành A, xã Vĩnh Hòa H, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

8. Bà **Thị L**, sinh năm 1971 (chết năm 2020).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Thị L: Anh Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1995 và chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1997

Cùng địa chỉ: Số nhà 165/17 đường Quang Tr, phường Vĩnh Q, thành phố Rạch Gi, tỉnh Kiên Giang.

9. Ông Lâm Văn Ch, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Hòa H, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Thanh Ph.

(Ông Nguyễn Thanh S, ông Nguyễn Hồng Đ, ông Nguyễn Thanh Ph, bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh U, anh Nguyễn Thanh S, anh Nguyễn Ngọc Q có mặt tại phiên toà; ông Nguyễn Văn Gi, chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Ngọc H vắng mặt tại phiên toà có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S và người Đ diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hồng Đ trình bày:*** Cha mẹ ông S là ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1934 (Chết ngày 14-01-2007) và bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1936 (Chết năm 1983), cha mẹ ông có 08 người con gồm: Ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Th (Chết năm 2007), ông Nguyễn Thanh Ph, bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh Hải (Chết năm 2003) và ông Nguyễn Thanh U. Sau khi cha mẹ ông qua đời có để lại di sản là một thửa đất diện tích 9.838m² (Theo đo đạc thực tế là 10.126,9m²) loại đất vườn tạp và trồng lúa, tọa lạc tại ấp Vĩnh H, xã Vĩnh Hòa H, huyện Châu Th, Kiên Giang (Nay là ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Hòa H, huyện Châu Th, Kiên Giang), đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 10-5-1993 do ông Nguyễn Văn M đứng tên chủ sở hữu, phần đất này trước đây do ông S canh tác và sử dụng, hiện nay thì đang cho ông Lâm Văn Ch mượn đất làm lúa. Nguồn gốc thửa đất nêu trên là của ông bà nội ông S để lại cho cha mẹ ông sử dụng, lúc cha ông còn sống không có lập di chúc chia đất cho ai, việc cha ông nói cho các anh em ông cất nhà ở trên thửa đất nêu trên thì chỉ nói bằng miệng mà không có lập giấy tờ gì. Đến ngày 30-5-2007 các anh em ông mới thống nhất họp mặt gia đình và các anh chị em đều thống nhất giao phần đất nêu trên cho ông quản lý nhưng không được quyền cầm cố hay sang bán, có sự chứng kiến của người bác tên Nguyễn Thanh T và ban lãnh đạo ấp, được UBND xã Vĩnh Hòa H xác nhận. Ông S xác nhận đối với số tiền cho thuê đất từ trước cho đến nay thì ông không yêu cầu chia và đối với cây trồng, hoa màu trên đất ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu vào phần của người nào thì người đó được hưởng. Ông thống nhất theo kết quả thẩm định giá tài sản của Công ty TNHH định giá Thịnh Vượng và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án vào ngày 11-01-2021.

Ông Nguyễn Thanh S yêu cầu chia thừa kế toàn bộ phần di sản của cha mẹ ông là ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Thị B để lại gồm phần đất có diện tích 9.838m² (Theo đo đạc thực tế là 10.126,9m²), thửa số 487-128, tờ bản đồ số 01 (Nay là thửa 220, tờ bản đồ số 17) đất tọa lạc tại ấp Vĩnh H, xã Vĩnh Hòa H (Nay là ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Hòa H), huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang được UBND huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận QSD đất (bìa xanh) cho ông Nguyễn Văn M vào năm 1993, yêu cầu chia đều phần đất nêu trên cho 08 người

con là ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Th (Chết ngày 26-11-2007), bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Thanh Ph, ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh H (Chết năm 2003) và ông Nguyễn Thanh U cho mỗi người một phần bằng nhau. Ông S không đồng ý theo yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thanh Ph vì cha ông không có lập tờ di chúc nào cả, chữ viết và chữ ký trong tờ di chúc không phải của cha ông.

***Bị đơn có đơn yêu cầu phản tố và đơn yêu cầu phản tố bổ sung ông Nguyễn Thanh Ph trình bày:** Nguồn gốc phần đất hiện nay đang tranh chấp là của ông bà để lại cho cha ông là ông Nguyễn Văn M và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10-5-1993, diện tích 9.838m² (Theo đo đạc thực tế là 10.126,9m²) tọa lạc ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Hòa H, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang. Vào ngày 18-7-2000 thì ông M đã làm tờ di chúc có sự chứng kiến của ông Lê Văn Ph (Đã chết); ông Đặng Văn Tr, ông Nguyễn Văn T, ông Lâm Văn Ch. Theo nội dung tờ di chúc thể hiện cha ông giao lại toàn bộ phần đất diện tích 9.838m² (Theo đo đạc thực tế là 10.126,9m²) tọa lạc ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Hòa H, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang cho ông quản lý và canh tác. Đến năm 2007 cha ông mất thì các anh em trong gia đình không ai biết việc cha ông có lập tờ di chúc để lại nên các anh em trong gia đình thống nhất làm biên bản họp mặt gia đình ngày 30-5-2017 là giao phần đất nêu trên cho ông Nguyễn Thanh S quản lý với điều kiện không được cầm cố, sang bán. Đến sau này khi đã họp mặt gia đình xong ông mới tìm được tờ di chúc này và ông có gặp ông S đề thương lượng là giao lại phần đất nêu trên cho ông quản lý theo đúng nội dung di chúc mà cha ông đã lập nhưng ông S không đồng ý. Ông xác nhận phần đất tranh chấp hiện nay không có ai sử dụng và đối với số tiền cho thuê đất trước đây thì ông không yêu cầu chia và đối với cây trồng, hoa màu trên đất ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông thống nhất theo kết quả thẩm định giá tài sản của Công ty TNHH định giá Thịnh Vượng và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án vào ngày 11-01-2021.

Ông Nguyễn Thanh Ph yêu cầu Tòa án công nhận Tờ di chúc do ông Nguyễn Văn M lập ngày 18-7-2000 là hợp pháp để ông Ph được thừa kế toàn bộ phần đất có diện tích 9.838m² (Theo đo đạc thực tế là 10.126,9m²), thửa số 487-128, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp Vĩnh H, xã Vĩnh Hòa Ph (Nay là ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Hòa H), huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang được UBND huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận QSD đất (Bìa xanh) cho ông Nguyễn Văn M vào năm 1993. Ông không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn và những người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ông cũng không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn M trong tờ di chúc ngày 18-7-2000.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu độc lập và đơn yêu cầu độc lập bổ sung bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Thanh L và ông Nguyễn Thanh U trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Thanh L và ông Nguyễn Thanh U thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của ông Nguyễn Thanh S. Ông bà xác nhận đối với số tiền cho thuê đất từ trước cho đến nay thì ông bà không yêu cầu chia và đối với cây trồng, hoa màu trên đất ông bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu vào phần của người nào thì người đó được hưởng. Ông bà thống nhất theo kết quả định giá tài sản của Công ty TNHH định

giá Thịnh Vượng và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án vào ngày 11-01-2021.

Nay bà Ng, ông T, ông L và ông U yêu cầu Tòa án chia thừa kế toàn bộ phần di sản của cha mẹ ông bà là ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Thị B để lại gồm phần đất có diện tích 9.838m² (Theo đo đạc thực tế là 10.126,9m²), thửa số 487-128, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp Vĩnh H, xã Vĩnh Hòa H (Nay là ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Hòa H), huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang được UBND huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận QSD đất (Bìa xanh) cho ông Nguyễn Văn M vào năm 1993, yêu cầu chia đều phần đất nêu trên cho 08 người con tên Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị Th (Chết năm 2007), Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Thanh Ph, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh H (Chết năm 2003) và Nguyễn Thanh U cho mỗi người một phần bằng nhau. Ông bà không đồng ý theo yêu cầu phân tố của ông Nguyễn Thanh Ph vì cha ông bà không có lập tờ di chúc nào cả, chữ viết và chữ ký trong tờ di chúc không phải của ông Nguyễn Văn M.

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu độc lập và đơn yêu cầu độc lập bổ sung ông Nguyễn Văn Gi, anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày tại Tòa án:***

Ông Gi, anh S và chị T thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyễn Thanh S về nguồn gốc đất và quan hệ anh em trong gia đình.

Nay ông Nguyễn Thanh S yêu cầu chia thừa kế toàn bộ phần đất có diện tích 9.838m² (Theo đo đạc thực tế là 10.126,9m²), thửa số 487-128, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp Vĩnh H, xã Vĩnh Hòa Ph (Nay là ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Hòa H), huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang được UBND huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận QSD đất (Bìa xanh) cho ông Nguyễn Văn M vào năm 1993 thì ông Gi, anh S và chị T đồng ý chia đều thừa kế phần đất trên và yêu cầu Tòa án chia thừa kế cho bà Th và yêu cầu được hưởng suất thừa kế của bà Th theo quy định của pháp luật. Ông Gi, anh S và chị T xác nhận đối với số tiền cho thuê đất từ trước cho đến nay thì không yêu cầu chia và đối với cây trồng, hoa màu trên đất cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết, vào phần của người nào thì người đó được hưởng. Ông Gi, anh S và chị T thống nhất theo kết quả định giá tài sản của Công ty TNHH định giá Thịnh Vượng và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án vào ngày 11-01-2021. Ông Gi, anh S và chị T không đồng ý theo yêu cầu phân tố của ông Nguyễn Thanh Ph.

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu độc lập và đơn yêu cầu độc lập bổ sung anh Nguyễn Ngọc Q và chị Nguyễn Ngọc H (đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Thị L) trình bày:***

Anh Q và chị H thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyễn Thanh S về nguồn gốc đất và quan hệ anh em trong gia đình, anh chị là con của ông Nguyễn Thanh H (Chết năm 2003) và mẹ là bà Thị L (Chết năm 2020), cha mẹ anh chị có hai người con là anh chị, ngoài ra không còn người con nào khác.

Nay ông Nguyễn Thanh S yêu cầu chia thừa kế toàn bộ phần đất có diện tích 9.838m² (Theo đo đạc thực tế là 10.126,9m²), thửa số 487-128, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp Vĩnh H, xã Vĩnh Hòa Ph (Nay là ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Hòa H), huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang được UBND huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận QSD đất (Bìa xanh) cho ông Nguyễn Văn M vào năm 1993 thì anh chị đồng ý chia đều thừa kế phần đất trên và yêu cầu Tòa án chia thừa kế cho

anh chị được hưởng suất thừa kế của cha anh chị được hưởng theo quy định của pháp luật. Anh chị xác nhận đối với số tiền cho thuê đất từ trước cho đến nay thì không yêu cầu chia và đối với cây trồng, hoa màu trên đất cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết, vào phần của người nào thì người đó được hưởng. Anh Q, chị H thống nhất theo kết quả định giá tài sản của Công ty TNHH định giá Thỉnh Vượng và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án vào ngày 11-01-2021. Anh chị không đồng ý theo yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thanh Ph.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn Ch trình bày:**
Ông Ch đang trồng lúa trên diện tích đất ruộng tranh chấp giữa bị đơn và nguyên đơn. Do thấy đất bỏ không nên ông xin làm lúa chứ không thuê mướn gì, lâu lâu ông mua nhang đèn đưa cho ông Nguyễn Thanh U để cúng ông bà. Khi nào bên nguyên đơn hay bên bị đơn không cho ông làm lúa nữa thì ông sẽ trả lại đất cho họ. Ông Ch xác định ông không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 79/2022/DS-ST ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 200, 201, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các điều 623, 627, 630, 631, 649, 650, 651, 652, 660 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 166 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;
- Căn cứ Điều 12 và Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S về việc xin chia thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Thị B.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố và phản tố bổ sung của ông Nguyễn Thanh Ph về việc yêu cầu Tòa án công nhận Tờ di chúc do ông Nguyễn Văn M lập ngày 18-7-2000 là hợp pháp.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập và yêu cầu độc lập bổ sung của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh U, ông Nguyễn Văn Gi, chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Thanh S, bà Thị L, anh Nguyễn Ngọc Q và chị Nguyễn Ngọc H về việc xin chia thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Thị B.

4. Chia diện tích đất lúa theo đo đạc thực tế là 10.126,9m², thửa số 487-128, tờ bản đồ số 01 (Nay là thửa 220, tờ bản đồ số 17), đất tọa lạc tại ấp Vĩnh H, xã Vĩnh Hòa H (Nay là ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Hòa H), huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận QSD đất số D00.234 QSDĐ/QĐ 67/CT được UBND huyện Châu Thành cấp cho ông Nguyễn Văn M vào ngày 10-5-1993 (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang và Tờ trích đo địa Ch số TĐ: 158-2022 ngày 15-8-2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang) cho các hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Thị B như sau:

1. Chia ông **Nguyễn Thanh U** được nhận diện tích là 1.265,8m² đất LUC tách thửa 220, tờ bản đồ số 17, có hình là: 1-2-3-4, có chiều dài các cạnh như sau:

- Cạnh 1-2 = 26,83m giáp đất ông Tạ Văn T;
- Cạnh 2-3 = 46,90m giáp đất ông Nguyễn Thanh S được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 3-4 = 26,83m giáp đất ông Lâm Văn Ch;
- Cạnh 4-1 = 47,46m giáp đất ông Nguyễn Văn B;

2. Chia ông **Nguyễn Thanh S**, được nhận diện tích là 1.265,8m² đất LUC tách thửa 220, tờ bản đồ số 17, có hình là: 2-3-6-5, có chiều dài các cạnh như sau:

- Cạnh 2-3 = 46,90m giáp đất ông Nguyễn Thanh U được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 3-6 = 27,16m giáp đất ông Lâm Văn Ch;
- Cạnh 6-5 = 46,33m giáp đất ông Nguyễn Thanh Ph được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 5-2 = 27,16m giáp đất ông Nguyễn Văn T.

3. Chia ông **Nguyễn Thanh Ph**, được nhận diện tích là 1.265,8m² đất LUC tách thửa 220, tờ bản đồ số 17, có hình là: 5-6-8-7, có chiều dài các cạnh như sau:

- Cạnh 5-6 = 46,33m giáp đất ông Nguyễn Thanh S được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 6-8 = 27,50m giáp đất ông Lâm Văn Ch;
- Cạnh 8-7 = 45,75m giáp đất ông Nguyễn Thanh T được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 7-5 = 27,50m giáp đất ông Quách Văn Ch.

4. Chia ông **Nguyễn Thanh T**, được nhận diện tích là 1.265,9m² đất LUC tách thửa 220, tờ bản đồ số 17, có hình là: 7-8-11-10-9, có chiều dài các cạnh như sau:

- Cạnh 7-8 = 45,75m giáp đất ông Nguyễn Thanh Ph được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 8-11 = 27,76m giáp đất ông Lâm Văn Ch;
- Cạnh 11-10 = 45,52m giáp đất ông Nguyễn Thanh L được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 10-9 = 23,20m giáp đất ông Quách Văn Ch;
- Cạnh 9-7 = 4,56m giáp đất ông Quách Văn Ch.

5. Chia ông **Nguyễn Thanh L**, được nhận diện tích là 1.265,9m² đất LUC tách thửa 220, tờ bản đồ số 17, có hình là: 10-11-13-12, có chiều dài các cạnh như sau:

- Cạnh 10-11 = 45,52m giáp đất ông Nguyễn Thanh T được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 11-13 = 27,86m giáp đất ông Lâm Văn Ch;
- Cạnh 13-12 = 45,35m giáp đất ông Nguyễn Thanh H được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 12-10 = 27,86m giáp đất bà Lê Thị T.

6. Chia bà **Nguyễn Thị Ng**, được nhận diện tích là 1.265,9m² đất LUC tách thửa 220, tờ bản đồ số 17, có hình là: 12-13-15-14, có chiều dài các cạnh như sau:

- Cạnh 12-13 = 45,35m giáp đất ông Nguyễn Thanh L được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 13-15 = 27,96m giáp đất ông Lâm Văn Ch;
- Cạnh 15-14 = 45,19m giáp đất bà Nguyễn Thị Th được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 14-12 = 27,96m giáp đất ông Nguyễn Văn T.

7. Chia ông **Nguyễn Thanh H** (Con ông H là anh Nguyễn Ngọc Q và chị Nguyễn Ngọc H thừa kế phần ông H), được nhận diện tích là 1.265,9m² đất LUC tách thửa 220, tờ bản đồ số 17, có hình là: 14-15-19-18-17, có chiều dài các cạnh như sau:

- Cạnh 14-15 = 45,19m giáp đất bà Nguyễn Thị Ng được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 15-19 = 28,14m giáp đất ông Lâm Văn Ch;
- Cạnh 19-18 = 44,62m giáp đất bà Nguyễn Thị Th được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 18-17 = 4,78m giáp đất bà Hà Kim Th;
- Cạnh 17-16 = 18,68m giáp đất bà Hà Kim Th;
- Cạnh 16-14 = 4,68m giáp đất bà Hà Kim Th.

8. Chia bà **Nguyễn Thị Th** (Chồng bà Th là ông Nguyễn Văn Gi và 02 người con là anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Thanh T thừa kế phần bà Th), được nhận diện tích là 1.265,9m² đất LUC tách thửa 220, tờ bản đồ số 17, có hình là: 18-19-26-25-24-23-21-20, có chiều dài các cạnh như sau:

- Cạnh 18-19 = 44,62m giáp đất ông Nguyễn Thanh H được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 19-26 = 15,11m giáp đất ông Lâm Văn Ch;
- Cạnh 26-25 = 11,97m giáp đất ông Lâm Văn Ch;
- Cạnh 25-24 = 8,72m giáp đất ông Nguyễn Hữu T;
- Cạnh 24-23 = 19,77m giáp đất ông Nguyễn Văn H và ông Lê Văn M;
- Cạnh 23-22 = 13,64m giáp đất ông Bành Tuấn Kh và ông Trần Văn Th;
- Cạnh 22-21 = 15,45m giáp đất ông Trần Văn Th;
- Cạnh 21-20 = 1,14m giáp đất ông Hà Kim Th;
- Cạnh 20-18 = 16,18m giáp đất ông Hà Kim Th.

5. Sau khi án có hiệu lực pháp luật các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin tách quyền sử dụng đất (Thửa đất) và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất mà mình được chia đúng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 05/01/2023, bị đơn ông Nguyễn Thanh Ph có đơn kháng cáo với những nội dung yêu cầu:

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 79/2022 ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo hướng công nhận di chúc do cha ông là ông Nguyễn Văn M lập ngày 18/07/2000.

- Giữ nguyên diện tích đất 9.838m² (Đo đạc thực tế là 10.126,9 m²) cho ông là Nguyễn Thanh Ph được sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 10/05/1993, thửa đất số 427 - 128, tờ bản đồ số 1 cho ông Nguyễn Văn M, đất tọa lạc tại ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Hòa H, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

- Bác đơn khởi kiện của Ông Nguyễn Thanh S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu độc lập, đơn yêu cầu độc lập bổ sung của bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh U về việc yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất 9.838m² (Đo đạc thực tế là 10.126,9 m²) tọa lạc tại ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Hòa H, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 79/2022/DS-ST ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh Ph giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm số 79/2022/DS-ST ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo hướng chấp nhận nội dung kháng cáo của ông.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 79/2022/DS-ST ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh Ph, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 79/2022/DS-ST ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh Ph về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn Gi, chị Nguyễn Thị Thanh T, chị Nguyễn Ngọc H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên áp dụng khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Về nội dung kháng cáo của bản án sơ thẩm: Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh Ph gồm các yêu cầu:

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 79/2022 ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo hướng công nhận di chúc do cha ông là ông Nguyễn Văn M lập ngày 18/07/2000.

- Giữ nguyên diện tích đất 9.838m^2 (Đo đạc thực tế là $10.126,9\text{ m}^2$) cho ông là Nguyễn Thanh Ph được sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 10/05/1993, thửa đất số 427 - 128, tờ bản đồ số 1 cho ông Nguyễn Văn M, đất tọa lạc tại ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Hòa H, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

- Bác đơn khởi kiện của Ông Nguyễn Thanh S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu độc lập, đơn yêu cầu độc lập bổ sung của bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh U về việc yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất 9.838m^2 (Đo đạc thực tế là $10.126,9\text{ m}^2$) tọa lạc tại ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Hòa H, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu chia thừa kế toàn bộ phần di sản của ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Thị B để lại gồm phần đất ruộng có diện tích 9.838m^2 (theo đo đạc thực tế là $10.126,9\text{m}^2$), thửa số 487-128, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa 220, tờ bản đồ số 17) đất tọa lạc tại ấp Vĩnh H, xã Vĩnh Hòa H (nay là ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Hòa H), huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang được UBND huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận QSD đất (bìa xanh) cho ông Nguyễn Văn M vào ngày 10-5-1993, yêu cầu chia đều phần đất nêu trên cho 08 người con là ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Th (chết ngày 26-11-2007), bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Thanh Ph, ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh H (chết năm 2003) và ông Nguyễn Thanh U cho mỗi người một phần bằng nhau.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh Ph có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án công nhận Tờ di chúc do ông Nguyễn Văn M lập ngày 18-7-2000 là hợp pháp để ông Ph được thừa kế toàn bộ phần đất có diện tích 9.838m^2 (theo đo đạc thực tế là $10.126,9\text{m}^2$), thửa số 487-128, tờ bản đồ số 01 (nay là thửa 220, tờ bản đồ số 17), đất tọa lạc tại ấp Vĩnh H, xã Vĩnh Hòa Ph (nay là ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Hòa H), huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang được UBND huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận QSD đất (bìa xanh) cho ông Nguyễn Văn M vào năm 1993, Tòa án nhận thấy:

Theo kết quả đo đạc thực tế ngày 11-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang kết hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Kiên tiến hành xem xét, đo đạc tại chỗ phần đất tranh chấp giữa các bên thì phần đất có tổng diện tích theo đo đạc thực tế là $10.126,9\text{m}^2$ được giới hạn từ điểm 1 đến điểm 12, cụ thể như sau:

Từ điểm 1-2 = 86,04m giáp phần đất của ông Tạ Văn T và ông Nguyễn Văn T;

Từ điểm 2-3 = 83,70m giáp phần đất của bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn T;

Từ điểm 3-4 = 18,68m giáp phần đất của bà Hà Kim Th;

Từ điểm 4-5 = 20,96 m giáp phần đất của ông Hà Kim Th;

Từ điểm 5-6 = 1,14 m giáp phần đất của ông Hà Kim Th;

Từ điểm 6-7 = 15,45m giáp phần đất của ông Trần Văn Th;

Từ điểm 7-8 = 13,64m giáp phần đất của ông Trần Văn Th và ông Trần Tuấn Kh;

Từ điểm 8-9 = 19,77m giáp phần đất của ông Lê Văn M và ông Nguyễn Văn H;

Từ điểm 9-10 = 8,72m giáp phần đất của ông Nguyễn Hữu T;

Từ điểm 10-11 = 11,97m giáp phần đất của ông L Văn Ch;

Từ điểm 11-12 = 208,33m giáp phần đất của ông L Văn Ch;

Là phần đất nằm trong giấy chứng nhận QSD đất số D00.234 QSDĐ/QĐ 67/CT được UBND huyện Châu Thành cấp vào ngày 10-5-1993 thuộc tờ bản đồ số 01, số thửa 487-128 (Nay là thửa 220, tờ bản đồ số 17), đất tọa lạc tại ấp Vĩnh H, xã Vĩnh Hòa H (Nay là ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Hòa H), huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang do ông Nguyễn Văn M đứng tên chủ sở hữu.

[3] *Về di sản thừa kế*: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác nhận khi chung sống với nhau, vợ chồng ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Thị B được cha mẹ ông M để lại 01 thửa đất ruộng có diện tích 9.838m² (theo đo đạc thực tế là 10.126,9m²), thửa số 487-128, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp Vĩnh H, xã Vĩnh Hòa H (nay là ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Hòa H), huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang. Tuy giấy chứng nhận QSD đất được UBND huyện Châu Thành cấp cho ông Nguyễn Văn M vào năm 1993 nhưng các đương sự đều xác nhận thửa đất trên là di sản chung của ông M, bà B chết để lại chưa chia.

[4] *Về diện và hàng thừa kế*: Ông Nguyễn Văn M (chết ngày 14/01/2007) và bà Huỳnh Thị B (chết năm 1983) có tất cả là 08 người con gồm: 1. Ông Nguyễn Thanh S, 2. Bà Nguyễn Thị Th (chết ngày 26-11-2007), 3. Bà Nguyễn Thị Ng, 4. Ông Nguyễn Thanh Ph, 5. Ông Nguyễn Thanh T, 6. Ông Nguyễn Thanh L 7. Ông Nguyễn Thanh Hải (chết năm 2003), 8. Ông Nguyễn Thanh U.

Ông Nguyễn Thanh H (chết năm 2003), Bà Thị L (vợ ông H chết năm 2020), nên con ông H là anh Nguyễn Ngọc Q và chị Nguyễn Ngọc H thừa kế thế vị phần ông H đối với di sản di sản của ông M; bởi vì, ông H chết trước người để lại di sản là ông M theo quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự.

Bà Nguyễn Thị Th (chết ngày 26-11-2007) nên chồng bà Th là ông Nguyễn Văn Gi và 02 người con gồm anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Thanh T thừa kế phần bà Th được hưởng theo quy định tại Điều 651 bộ luật dân sự.

Như vậy cấp sơ thẩm đã xác định chính xác và phù hợp về diện thừa kế, hàng thừa kế và thừa kế thế vị.

[5] *Về căn cứ chia thừa kế*: Tại Tòa án ông Nguyễn Thanh Ph cung cấp Tờ di chúc do ông Nguyễn Văn M lập ngày 18-7-2000. Theo ông Ph trình bày thì ông M đã làm tờ di chúc có sự chứng kiến của ông Lê Văn Ph (đã chết); ông Đặng Văn Tr, ông Nguyễn Văn T và ông Lâm Văn Ch. Theo nội dung tờ di chúc thể hiện ông M giao lại toàn bộ phần đất diện tích 9.838m² (Theo đo đạc thực tế là 10.126,9m²) tọa lạc ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Hòa H, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang cho ông Ph quản lý canh tác.

[6] Xét bản di chúc do ông Nguyễn Văn M lập ngày 18-7-2000:

[6.1] Về hình thức của di chúc: Bản di chúc viết tay có chữ ký và ghi họ tên ông Nguyễn Văn M, mặt sau bản di chúc có ký tên người chứng kiến là ông Đặng Văn Tr, ông Nguyễn Văn T và ông Lâm Văn Ch. Qua xác minh thì ông Tr, ông T và ông Ch đều trình bày là ông M không có nhờ các ông ký chứng

kiến trong bản di chúc mà là vào khoảng năm 2019 ông Ph đem bản di chúc đến nhờ các các ông ký và nói là ký giáp ranh đất. Mặt khác, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không thừa nhận chữ ký và chữ viết trong bản di chúc là do ông Nguyễn Văn M ký và ghi họ tên. Ông Nguyễn Thanh Ph không yêu cầu giám định di chúc.

[6.2] Về nội dung của di chúc: Nội dung bản di chúc không rõ ràng, không thể hiện được cụ thể phần di sản gồm những tài sản gì, ở đâu, để lại cho ai, lúc thì viết tài sản để lại không được chia, lúc lại viết tài sản để lại được chia. Bên cạnh đó, thời điểm lập di chúc ngày 18-7-2000 thì bà Huỳnh Thị B đã chết (1983), do vậy phần tài sản của bà B đã trở thành di sản thừa kế, một mình ông M không có quyền định đoạt toàn bộ tài sản của vợ chồng được. Do đó, bản di chúc do ông Nguyễn Văn M lập ngày 18-7-2000 là không hợp pháp. Nên di sản của ông M và bà B được chia thừa kế theo pháp luật.

[7] Bản án sơ thẩm đã chia diện tích đất lúa 9.838m² (Theo đo đạc thực tế là 10.126,9m²), thửa số 487-128, tờ bản đồ số 01 (Nay là thửa 220, tờ bản đồ số 17), đất tọa lạc tại ấp Vĩnh H, xã Vĩnh Hòa H (Nay là ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Hòa H), huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang được UBND huyện Châu Thành cấp cho ông Nguyễn Văn M vào ngày 10-5-1993 cho các người con của ông M, bà B gồm: 1. Ông Nguyễn Thanh S, 2. Bà Nguyễn Thị Ng, 3. Ông Nguyễn Thanh Ph, 4. Ông Nguyễn Thanh T, 5. Ông Nguyễn Thanh L, 6. Ông Nguyễn Thanh U, 7. Bà Nguyễn Thị Th (chết năm 2007) nên chồng bà Th là ông Nguyễn Văn Gi và 02 người con gồm anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Thanh T thừa kế phần bà Thủy; 8. Ông Nguyễn Thanh H (chết năm 2003), bà Thị L (vợ ông H chết năm 2020) nên con ông H là anh Nguyễn Ngọc Q và chị Nguyễn Ngọc H thừa kế phần ông H theo quy định pháp luật. Cụ thể theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang và Tờ trích đo địa chính số TĐ: 158-2022 ngày 15-8-2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang ở các vị trí cụ thể như vậy là phù hợp.

Như vậy, các quyết định Bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp quy định của pháp luật, vì vậy yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh Ph là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Thanh Ph, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm số 79/2022/DS-ST ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[8] Về chi phí tố tụng: Đối với tiền chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ là 5.608.600 đồng và phí thẩm định giá là 15.000.000 đồng, tổng cộng là 20.608.600 đồng, số tiền này nguyên đơn đã tạm nộp. Căn cứ Điều 157 và Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu theo quy định pháp luật. Như bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Thanh Ph phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 200, 201, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 623, 627, 630, 631, 649, 650, 651, 652, 660 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 12 và Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Thanh Ph.
- Giữ nguyên toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 79/2022 ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S về việc xin chia thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Thị B.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố và phản tố bổ sung của ông Nguyễn Thanh Ph về việc yêu cầu Tòa án công nhận Tờ di chúc do ông Nguyễn Văn M lập ngày 18-7-2000 là hợp pháp.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập và yêu cầu độc lập bổ sung của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh U, ông Nguyễn Văn Gi, chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Thanh S, bà Thị L, anh Nguyễn Ngọc Q và chị Nguyễn Ngọc H về việc xin chia thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Thị B.

4. Công nhận là di sản và chia diện tích đất lúa theo đo đạc thực tế là 10.126,9m², thửa số 487-128, tờ bản đồ số 01 (Nay là thửa 220, tờ bản đồ số 17), đất tọa lạc tại ấp Vĩnh H, xã Vĩnh Hòa H (Nay là ấp Vĩnh Th, xã Vĩnh Hòa H), huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận QSD đất số D00.234 QSDĐ/QĐ 67/CT được UBND huyện Châu Thành cấp cho ông Nguyễn Văn M vào ngày 10-5-1993 (Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang và Tờ trích đo địa chính số TĐ: 158-2022 ngày 15-8-2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang) cho các hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Thị B như sau:

4.1. Chia cho ông **Nguyễn Thanh U** được nhận diện tích là 1.265,8m² đất LUC tách thửa 220, tờ bản đồ số 17, có hình là: 1-2-3-4, có chiều dài các cạnh như sau:

- Cạnh 1-2 = 26,83m giáp đất ông Tạ Văn T;
- Cạnh 2-3 = 46,90m giáp đất ông Nguyễn Thanh S được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 3-4 = 26,83m giáp đất ông L Văn Ch;
- Cạnh 4-1 = 47,46m giáp đất ông Nguyễn Văn B;

4.2. Chia cho ông **Nguyễn Thanh S**, được nhận diện tích là 1.265,8m² đất LUC tách thửa 220, tờ bản đồ số 17, có hình là: 2-3-6-5, có chiều dài các cạnh như sau:

- Cạnh 2-3 = 46,90m giáp đất ông Nguyễn Thanh U được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 3-6 = 27,16m giáp đất ông Lâm Văn Ch;
- Cạnh 6-5 = 46,33m giáp đất ông Nguyễn Thanh Ph được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 5-2 = 27,16m giáp đất ông Nguyễn Văn T.

4.3. Chia cho ông **Nguyễn Thanh Ph**, được nhận diện tích là 1.265,8m² đất LUC tách thửa 220, tờ bản đồ số 17, có hình là: 5-6-8-7, có chiều dài các cạnh như sau:

- Cạnh 5-6 = 46,33m giáp đất ông Nguyễn Thanh S được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 6-8 = 27,50m giáp đất ông L Văn Ch;
- Cạnh 8-7 = 45,75m giáp đất ông Nguyễn Thanh T được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 7-5 = 27,50m giáp đất ông Quách Văn Ch.

4.4. Chia cho ông **Nguyễn Thanh T**, được nhận diện tích là 1.265,9m² đất LUC tách thửa 220, tờ bản đồ số 17, có hình là: 7-8-11-10-9, có chiều dài các cạnh như sau:

- Cạnh 7-8 = 45,75m giáp đất ông Nguyễn Thanh Ph được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 8-11 = 27,76m giáp đất ông Lâm Văn Ch;
- Cạnh 11-10 = 45,52m giáp đất ông Nguyễn Thanh L được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 10-9 = 23,20m giáp đất ông Quách Văn Ch;
- Cạnh 9-7 = 4,56m giáp đất ông Quách Văn Ch.

4.5. Chia cho ông **Nguyễn Thanh L**, được nhận diện tích là 1.265,9m² đất LUC tách thửa 220, tờ bản đồ số 17, có hình là: 10-11-13-12, có chiều dài các cạnh như sau:

- Cạnh 10-11 = 45,52m giáp đất ông Nguyễn Thanh T được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 11-13 = 27,86m giáp đất ông Lâm Văn Ch;
- Cạnh 13-12 = 45,35m giáp đất ông Nguyễn Thanh H được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 12-10 = 27,86m giáp đất bà Lê Thị T.

4.6. Chia cho bà **Nguyễn Thị Ng**, được nhận diện tích là 1.265,9m² đất LUC tách thửa 220, tờ bản đồ số 17, có hình là: 12-13-15-14, có chiều dài các cạnh như sau:

- Cạnh 12-13 = 45,35m giáp đất ông Nguyễn Thanh L được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 13-15 = 27,96m giáp đất ông Lâm Văn Ch;
- Cạnh 15-14 = 45,19m giáp đất bà Nguyễn Thị Th được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 14-12 = 27,96m giáp đất ông Nguyễn Văn T.

4.7. Chia cho ông **Nguyễn Thanh H** (Con ông Hải là anh Nguyễn Ngọc Q và chị Nguyễn Ngọc H thừa kế phần ông H), được nhận diện tích là 1.265,9m² đất LUC tách thửa 220, tờ bản đồ số 17, có hình là: 14-15-19-18-17, có chiều dài các cạnh như sau:

- Cạnh 14-15 = 45,19m giáp đất bà Nguyễn Thị Ng được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 15-19 = 28,14m giáp đất ông Lâm Văn Ch;
- Cạnh 19-18 = 44,62m giáp đất bà Nguyễn Thị Th được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 18-17 = 4,78m giáp đất bà Hà Kim Th;
- Cạnh 17-16 = 18,68m giáp đất bà Hà Kim Th;
- Cạnh 16-14 = 4,68m giáp đất bà Hà Kim Th.

4.8. Chia cho bà **Nguyễn Thị Th** (Chồng bà Thủy là ông Nguyễn Văn Gi và 02 người con là anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Thanh T thừa kế phần bà Th), được nhận diện tích là 1.265,9m² đất LUC tách thửa 220, tờ bản đồ số 17, có hình là: 18-19-26-25-24-23-22-21-20, có chiều dài các cạnh như sau:

- Cạnh 18-19 = 44,62m giáp đất ông Nguyễn Thanh H được chia, ranh giới mới được xác lập;
- Cạnh 19-26 = 15,11m giáp đất ông Lâm Văn Ch;
- Cạnh 26-25 = 11,97m giáp đất ông Lâm Văn Ch;
- Cạnh 25-24 = 8,72m giáp đất ông Nguyễn Hữu T;
- Cạnh 24-23 = 19,77m giáp đất ông Nguyễn Văn H và ông Lê Văn Mi;
- Cạnh 23-22 = 13,64m giáp đất ông Bành Tuấn Kh và ông Trần Văn Th;
- Cạnh 22-21 = 15,45m giáp đất ông Trần Văn Th;
- Cạnh 21-20 = 1,14m giáp đất ông Hà Kim Th;
- Cạnh 20-18 = 16,18m giáp đất ông Hà Kim Th.

5. Sau khi án có hiệu lực pháp luật các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin tách quyền sử dụng đất (Thửa đất) và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất mà mình được chia đúng theo quy định của pháp luật.

6. Chi phí tố tụng: Đối với tiền chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ là 5.608.600 đồng và Phí thẩm định giá là 15.000.000 đồng, tổng cộng là 20.608.600 đồng, số tiền này ông Nguyễn Thanh S đã tạm nộp. Buộc bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Thanh Ph, ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Thanh L và ông Nguyễn Thanh U, mỗi người hoàn trả lại cho ông S 2.576.075 đồng. Ông Nguyễn Văn Gi, anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Thanh T hoàn trả lại cho ông S 2.576.075 đồng. Anh Nguyễn Ngọc Q và chị Nguyễn Ngọc H hoàn trả lại cho ông S 2.576.075 đồng.

7. Về án phí dân sự :

7.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị Ng là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí.

- Buộc ông Nguyễn Thanh U phải nộp án phí là 65.429.418 đồng, nhưng ông U được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005128 ngày 19-8-2019 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009694 ngày 28-9-2022 của Chi cục Thi hành

án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Ông U còn phải nộp thêm là 62.129.000 đồng (Sáu mươi hai triệu, một trăm hai mươi chín nghìn đồng).

- Buộc ông Nguyễn Thanh Ph phải nộp án phí là 65.429.418 đồng, nhưng ông Ph được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005027 ngày 16-7-2019 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009691 ngày 28-9-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Ông Ph còn phải nộp thêm là 64.829.418 đồng (Sáu mươi bốn triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, bốn trăm mười tám đồng).

- Buộc ông Nguyễn Thanh T phải nộp án phí là 65.433.639 đồng, nhưng ông T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005126 ngày 19-8-2019 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009692 ngày 28-9-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Ông T còn phải nộp thêm là 62.133.639 đồng (Sáu mươi hai triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi chín đồng).

- Buộc ông Nguyễn Thanh L phải nộp án phí là 65.433.639 đồng, nhưng ông L được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005127 ngày 19-8-2019 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009693 ngày 28-9-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Ông L còn phải nộp thêm là 62.133.639 đồng (Sáu mươi hai triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi chín đồng).

- Buộc anh Nguyễn Ngọc Q và chị Nguyễn Ngọc H phải nộp án phí là 65.433.639 đồng, nhưng anh Q và chị H được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009698 và số 0009699 ngày 28-9-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Anh Q và chị H còn phải nộp thêm là 64.833.639 đồng (Sáu mươi bốn triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi chín đồng).

- Buộc ông Nguyễn Văn Gi, anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp án phí là 65.433.639 đồng, nhưng ông Gi, anh S và chị T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.900.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005125 ngày 19-8-2019 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009695, số 0009696 và số 0009697 ngày 28-9-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Ông Gi, anh S và chị T còn phải nộp thêm là 61.533.639 đồng (Sáu mươi một triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi chín đồng).

7.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Thanh Ph phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ số tiền đã nộp theo biên lai thu số 0005268 ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Châu Thành
- THA dân sự huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Trần Bá Kha

Thẩm phán HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM Thẩm phán Thẩm phán-Chủ tọa Phê phán

Nguyễn Thị Nhiên

Lê Quang Tấn

Trần Bá Kha

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Châu Thành
- THA dân sự huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Trần Bá Kha

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán-Chủ tọa Phên tòa

Nguyễn Thị Nhiên

Lê Quang Tấn

Trần Bá Kha